

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **495/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 07 tháng 7 năm 2022
V/v: *Xin ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Sen**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông *Phạm Quang Huy* – Cán bộ Tòa án nhân dân quận B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thu Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 272/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2022/QĐST-HPT ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Tố H1**, sinh năm 1956.

HKTT: Số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H; Nơi ở: B5/12 Chung cư Kh 1-360C Bến V, Phường 1, Quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H1 có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn : Ông **Nguyễn Viết Tr**, sinh năm 1951.

HKTT và nơi ở: Số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H. Ông Tr vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn – bà Nguyễn Tố H1 trình bày:

- Về tình cảm: Bà và ông Nguyễn Viết Tr chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992. Sau đó ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Ph, quận B, thành phố H ngày 17/5/2001, số giấy 44, quyển số 2001/PX.

Quá trình chung sống, ông Tr đã bỏ nhà đi từ năm 2009. Ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Khi còn chung sống với nhau, ông Tr không có nghề nghiệp, không có công việc, thường xuyên cờ bạc. Bà phải tự nuôi con do ông Tr không có trách nhiệm với mẹ con bà. Có khoảng thời gian bà sang M do con gái riêng của bà sống bên M và sinh con nên bà phải sang trông cháu cho con bà. Hiện nay bà đang sinh sống cùng con trai chung của bà và ông Tr tại thành phố S.

Nay bà xác nhận không còn tình cảm với ông Tr, khả năng đoàn tụ là không có nên đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Tr.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Viết Tr có 01 con chung là anh Nguyễn Quốc V1 sinh ngày 13 tháng 6 năm 1995. Anh Nguyễn Quốc V1 đã trưởng thành nên việc ở với ai là do anh V1 tự quyết định. Bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Bà và ông Nguyễn Viết Tr tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

Tháng 2 năm 2009, khi bà và ông Tr còn đang sinh sống với nhau tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H thì ông Tr tự bỏ nhà đi. Bà phải tự nuôi con. Do bà ở nhà nên bà là người quản lý sổ hộ khẩu của gia đình. Trong sổ hộ khẩu gia đình có tên bà và anh V1, cùng tên ông Tr và con gái riêng của ông Tr là chị Nguyễn Quỳnh Ch và con của chị Ch. Chị Ch nhiều lần đã mang sổ hộ khẩu gia đình đi cầm cố. Bà nhiều lần phải yêu cầu ông Tr đi tìm sổ hộ khẩu gia đình về để giải quyết các công việc gia đình. Nên bà phải quản lý sổ hộ khẩu gia đình là vì vậy. Sau khi giải quyết ly hôn với ông Tr, bà sẽ làm thủ tục tách khẩu của mẹ con bà và sẽ trả sổ hộ khẩu cho ông Tr sau.

Trước khi ông Tr bỏ nhà đi năm 2009, ông Tr và bà đã làm thủ tục kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H. Nguồn gốc nhà đất là do bà và ông Tr cùng mua. Sau khi ông Tr ly hôn người vợ đầu tiên thì bà và ông Tr đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992. Năm 1995, bà sinh con chung của bà và ông Tr là anh V1. Mãi đến năm 2001 ông bà mới đăng ký kết hôn. Thực tế ông Tr bỏ nhà đi là do ông nợ tiền cờ bạc. Bà đã nhiều lần phải trả nợ cho ông Tr. Ông Tr không có nghề nghiệp, công việc. Mọi sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo liệu. Tuy nhiên, bà không muốn trình bày các vấn đề xấu của ông Tr. Bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Tr.

Năm 2011 bà và ông Tr mới được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG041448 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 22/8/2011. Giấy tờ nhà đất đứng tên cả bà và ông Tr. Vì khi Ủy ban nhân dân quận B cấp sổ đỏ nhà đất cho bà và ông Tr thì ông Tr đã bỏ nhà đi nên bà là người quản lý sổ đỏ từ đó cho đến nay. Tuy nhiên, đây là tài sản chung của bà và ông Tr nên bà quản lý sổ đỏ là hoàn toàn đúng. Việc ông Tr đề nghị bà trả lại sổ đỏ cho ông Tr là không phù hợp. Hiện nay ông Tr vẫn đang sinh sống tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H. Bà và con bà đã chuyển vào thành phố S làm ăn, sinh sống. Bà vẫn đồng ý để ông Tr tiếp tục quản lý nhà đất trên. Bà không đồng ý để ông Tr quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Tr đã quản lý trực tiếp nhà đất rồi.

Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản giữa bà và ông Tr. Bà sẽ tự thỏa thuận với ông Tr về tài sản. Nếu không thỏa thuận được bà sẽ khởi kiện ông Tr bằng vụ kiện khác sau khi đã ly hôn.

- Về các khoản vay nợ: Bà và ông Nguyễn Viết Tr không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tại các Biên bản ghi lời khai tại Tòa án- Bị đơn- ông Nguyễn Viết Tr trình bày:

- **Về tình cảm:** Ông và bà Nguyễn Tô H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, quận B, thành phố H ngày 17/5/2001, số giấy 44, quyền số 2001/PX.

Sau khi kết hôn, ông và bà H1 về sống tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H đến năm 2009 ông đi thành phố V2 làm việc còn chị H1 vào thành phố S sinh sống. Đến năm 2019 ông chuyển về tại địa chỉ trên sinh sống ổn định cho đến nay còn bà H1 không còn ở tại phố Đ. Từ năm 2012 đến nay ông không gặp vợ ông. Ông bà sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay.

Ông bà không mâu thuẫn gì nhưng ông bà đã không gặp nhau từ năm 2012 cho đến nay.

Nay bà H1 xin ly hôn ông, ông đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** Ông và bà H1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc V1 sinh ngày 13 tháng 6 năm 1995.

Cháu Nguyễn Quốc V1 đã trưởng thành nên việc ở với ai là do cháu tự quyết định.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung (động sản và bất động sản):** Ông và bà H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Ông và bà H1 không có nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

Tuy nhiên, sau đó ngày 04/5/2022, ông Tr có đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà H1 trả lại cho ông sổ hộ khẩu và giấy tờ nhà đất.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Các giấy triệu tập đương sự, Thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được và cũng không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại biên bản trao đổi ngày 17/5/2022 của đại diện tổ dân phố số 14A Đào Tấn, phường C nơi ông Tr sinh sống cho biết: Bà Nguyễn Tố H1 hiện nay không sinh sống tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H; chỉ có ông Nguyễn Viết Tr đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ trên. Quá trình bà H1 và ông Tr chung sống với nhau có mâu thuẫn như thế nào tổ dân phố không nắm được do bà H1 và ông Tr không báo với tổ dân phố và không nhờ tổ dân phố hòa giải bao giờ. Về con: Tổ dân phố được biết bà H1 và ông Tr có 01 con chung là anh Nguyễn Quốc V1. Về tài sản và nợ của bà H1 và ông Tr: tổ dân phố không nắm được.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:***

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho bà Nguyễn Tố H1 được ly hôn ông Nguyễn Viết Tr; về con chung: Anh Nguyễn Quốc V1 đã trưởng thành nên đề nghị không giải quyết về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H1 không yêu cầu

Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về việc ông Tr yêu cầu bà H1 trả lại sổ đỏ nhà đất tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H cho ông, xét thấy nhà đất tại địa chỉ trên đã được UBND quận B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG041448 ngày 22/8/2011, mang tên cả ông Tr và bà H1. Vì vậy, yêu cầu của ông Tr là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu của ông Tr. Về án phí: Bà H1 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Tô H1 có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đối với ông Nguyễn Viết Tr. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản trao đổi ngày 17/5/2022 của đại diện tổ dân phố số 14A phố Đ, phường C nơi ông Tr sinh sống cho biết: ông Nguyễn Viết Tr hiện đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H. Do vậy, Tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với ông Tr theo quy định của pháp luật nhưng ông Tr vẫn không đến tham gia tố tụng và không tham gia xét xử tại phiên tòa. Đây là lần thứ 2 ông Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tr.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ và các chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án đã thu thập, có đủ cơ sở xác định: Bà Nguyễn Tô H1 và ông Nguyễn Viết Tr có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ph, quận B, thành phố H ngày 17/5/2001, số giấy 44, quyển số 2001/PX. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vợ chồng bà H1, ông Tr đã sống ly thân nhiều năm, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Ông Tr đã đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tại Biên bản làm việc tại Tòa án, ông Tr đã có lời khai đồng ý ly hôn bà H1. Tuy nhiên, sau đó ông Tr có đơn đề nghị Tòa án buộc bà H1 phải trả lại giấy tờ sổ đỏ của nhà đất tại địa chỉ số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H. Sau đó, ông Tr không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp

cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Tố H1 và ông Nguyễn Viết Tr đã trầm trọng và kéo dài nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H1 đối với ông Tr là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con chung: Bà và ông Nguyễn Viết Tr có 01 con chung là anh Nguyễn Quốc V1 sinh ngày 13 tháng 6 năm 1995. Hiện nay anh Nguyễn Quốc V1 đã trưởng thành nên việc ở với ai là do anh tự quyết định. Ông Tr, bà H1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Tại đơn đề nghị ngày 04/5/2022 ông Nguyễn Viết Tr yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Tố H1 trả lại giấy tờ nhà đất (sổ đỏ) cho ông. Bà H1 trình bày bà và ông Tr có tài sản chung là: Nhà đất tại địa chỉ: số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 041448 do UBND quận B cấp ngày 22/8/2011 đứng tên cả 2 vợ chồng là ông Nguyễn Viết Tr và bà Nguyễn Tố H1. Tại thời điểm UBND quận B cấp giấy tờ nhà đất nêu trên thì ông Tr không có mặt ở nhà nên bà H1 là người nhận Giấy tờ nhà đất và quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nêu trên từ đó cho đến nay. Do nhà đất trên là tài sản chung của bà và ông Tr nên bà không đồng ý giao giấy tờ này cho ông Tr và đề nghị được tiếp tục quản lý giấy tờ nhà đất này. Xét thấy, yêu cầu của ông Tr là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

- Về các khoản nợ: Bà H1 và ông Tr xác nhận ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Tố H1 phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà H1 và ông Tr có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các căn cứ và nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;
Căn cứ Điều 51; Điều 56; 58 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Tố H1.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Tố H1 được ly hôn ông Nguyễn Viết Tr.

3. Về việc nuôi con chung: Bà Nguyễn Tố H1 và ông Nguyễn Viết Tr có 01 con chung là Nguyễn Quốc V1 sinh ngày 13 tháng 6 năm 1995. Anh Nguyễn Quốc V1 đã trưởng thành nên việc ở với ai là do cháu tự quyết định.

4. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Bà H1 và ông Tr xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Sau này ông, bà có yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

Về khoản nợ: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Viết Tr về việc buộc bà H1 phải trả lại cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 041448 do UBND quận B cấp ngày 22/8/2011 đứng tên ông Nguyễn Viết Tr và bà Nguyễn Tố H1 đối với đất tại địa chỉ: số 18 hẻm 12/73/1 phố Đ, phường C, quận B, thành phố H.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Tố H1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai thu số 0068077 ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Nguyễn Tố H1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Viết Tr vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND quận B;
- Chi Cục THA dân sự quận B;
- UBND phường/xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Sen

